

Bản án số: 68/2023/HS-ST
Ngày 25/12/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông La Văn Hải

- Bà Vi Thị Loan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 65/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lương Văn T**, sinh ngày 18/5/2002 tại huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh L; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Xa Phó; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Tốt.

Con ông Lương Văn B, sinh năm 1979 và bà Triệu Thị X, sinh năm 1986; bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lương Văn C**, sinh ngày 20/01/2002 tại huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: thôn T, xã S, huyện V, tỉnh L; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Xa Phó; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Tốt;

Con ông Lương Ngọc N, sinh năm 1966 và bà Mạ Thị L, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lương Văn N**, sinh ngày 01/01/1982 tại huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh L; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Xa Phó; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Tốt.

Con ông Lương Văn M (đã chết) và bà Lý Thị S, sinh năm 1944; bị cáo có vợ là Lý Thị T (đã chết) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất năm 2012. Hiện đều trú tại thôn T, xã S, huyện V, tỉnh L.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T:* Bà Phạm Thị Hoa H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L – Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lương Văn C, Lương Văn N:* Bà Lương Thị C - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L – Có mặt.

- Bị hại: Ông Phạm Văn X, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh L – Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* 1. Anh Phạm Văn L, Sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh L – Có mặt.

2. Anh Phạm Văn L1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản B, xã B, huyện B, tỉnh L – Có mặt.

- *Người làm chứng:* 1. Bà Mạ Thị L, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh L – Có mặt.

2. Anh Lương Văn M, sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh L – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ ngày 14/4/2023, ông Phạm Văn X (sinh năm 1962, trú tại thôn C, xã C, huyện B, tỉnh L) đến nhà anh họ là ông Lương Ngọc N (sinh năm 1966) ở thôn T, xã S, huyện V chơi và ăn cơm, uống rượu. Khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi ăn uống xong, vợ chồng ông N xuống bếp ngủ, còn ông X ngủ dưới chiếu trải ở nền gian khách. Sau đó, do nằm dưới đất lạnh nên ông X đi đến chiếc giường đặt ở gian bên phải để ngủ thì thấy có bà Lý Thị S (sinh năm 1944, là mẹ đẻ của ông N, hiện bà S bị tai biến, nằm liệt giường, nhận thức, giao tiếp hạn chế) đang ngủ trên giường nên đã sang chiếc giường ở gian bên trái để ngủ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi ông X đang ngủ thì bị bà Mạ Thị L (sinh năm 1963, là vợ của ông N) gọi dậy. Bà L yêu cầu ông X phải xin lỗi bà S vì trước đó bà nghe thấy tiếng bà S kêu cứu và nhìn thấy ông X nằm đè lên người bà S nên cho rằng ông X có hành vi hiếp dâm bà S nhưng ông X khẳng định mình không hiếp dâm bà S. Lúc này có con rể của bà L là Lự Đình N (sinh năm 1987, trú tại thôn L, xã V, huyện V) đi đến thì được bà L kể việc ông X định hiếp dâm bà S, N liền gọi điện thoại cho con bà L là Lương Văn C và Lương Văn M, N trực tiếp đi gọi Lương Văn N (là con trai của bà S), Lương Văn T là cháu bà S về nhà để cùng giải quyết.

Khi Lương Văn T về đến nhà thì thấy ông X có mặc quần áo đang nằm trên giường ở gian bên trái và được bà L kể ông X định hiếp dâm bà S, T liền tiến đến

hỏi “sao ông lên trên này lại hiếp dân bà tôi?”, ông X ngồi dậy, trả lời “không, tôi không làm gì” thì liền bị T dùng cả tay trái và tay phải tát mạnh liên tiếp khoảng 04 - 05 nhát vào vùng mặt. Ông X đưa hai tay lên ôm đầu thì bị T dùng chân phải đá ngang liên tiếp 02 nhát vào vùng lưng và sườn. Mọi người vào can ngăn không cho T đánh ông X nữa. Lúc này, cả Lương Văn N và Lương Văn C đều nhìn thấy rõ việc Lương Văn T đánh ông X nên đã cùng tiếp nhận ý chí lần lượt lao vào tiếp tục đánh ông X. Trong khi T bị mọi người kéo ra, N lao đến vị trí ông X ngồi, dùng tay phải tát liên tiếp khoảng 03 - 04 nhát vào vùng mặt ông X, N nhấc chân phải lên định đá ông X thì bị mọi người kéo ra ngoài. Tiếp đó, Lương Văn C cũng lao đến vị trí ông X ngồi, dùng tay phải tát liên tiếp khoảng 05 - 06 nhát vào mặt ông X. Khi ông X vừa đứng dậy thì bị C dùng chân phải đạp liên tiếp 02 nhát vào bụng ngã xuống giường. Ông X đứng dậy định đi ra ngoài thì tiếp tục bị C dùng chân phải đạp thêm 01 nhát vào vùng hông bên phải ngã xuống nền nhà. Lúc này, C bị kéo ra ngoài thì T lao vào lần thứ hai, đến vị trí ông X bị ngã, dùng chân phải đạp theo hướng từ trên xuống 02 nhát vào vùng sườn bên phải của ông X. Mọi người tiếp tục can ngăn T, để ông X đi ra ngoài. Sau đó, Công an xã S đến làm việc và ông X bị thương được đưa đi bệnh viện điều trị.

- Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 80/KLTTCT-TTPY ngày 24/5/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai đối với thương tích của ông Phạm Văn X: Gãy xương sườn 2, 3, 4, 7, 8, 9, 10, 11, 12 bên phải không làm ảnh hưởng chức năng hô hấp. Gãy gai ngang L1, L2 bên phải. Gãy cũ xương sườn 5, 11 bên trái chụp CLVT ngày 18/4/2023: đây là tổn thương có trước khi xảy ra vụ việc ngày 14/4/2023. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TTBYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn X tại thời điểm giám định là 27%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế chấn thương: Chấn thương trực tiếp. Vật gây thương tích: Vật tày.

- Công văn số 25/CV-TTPY ngày 24/6/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai về việc cung cấp chi tiết nội dung giám định pháp y, có nội dung sau: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TTBYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn X tại thời điểm giám định là 27%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Tỷ lệ của từng tổn thương, cụ thể:

+ Gãy xương sườn 2, 3, 4, 7, 8, 9, 10, 11, 12 bên phải không ảnh hưởng chức năng hô hấp: Mức tổn thương cơ thể mỗi xương là 2% tại Mục II.1, Chương 3, Bảng 1.

+ Gãy gai ngang L1, L2 bên phải: Mức tổn thương cơ thể là 13% tại Mục XII.5.2, Chương 7, Bảng 1.

+ Hình ảnh “gãy cũ” xương sườn 5 và 11 bên trái chụp CLVT ngày 18/4/2023 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai: đây là tổn thương có trước khi xảy ra vụ việc ngày 14/4/2023 do đó không xếp mức tổn thương cơ thể.

+ Thị lực mắt phải 2/10, mắt trái 3/10, hai mắt kết giác mạc bình thường, thể thủy tinh đục bắt đầu, đáy mắt chưa phát hiện gì đặc biệt: đây là bệnh lý tại mắt không do chấn thương do đó không xếp mức tổn thương cơ thể.

- Bản kết luận giám định xâm hại tình dục số 10/KLXHTD-TTPY ngày 24/4/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai, kết luận đối với bà Lý Thị S: Bộ phận sinh dục không có dấu vết thương tích. Màng trinh rách cũ nhiều vị trí, không có điểm rách mới. Trên cơ thể không có dấu vết thương tích. Mức tổn thương cơ thể 0%. Không nhiễm HIV. Trong dịch âm đạo không có tinh trùng.

Bản cáo trạng số: **66/CT-VKS - VB** ngày 06/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đã truy tố các bị cáo Lương Văn T, Lương Văn C, Lương Văn N về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Lương Văn T, Lương Văn C, Lương Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Lương Văn T, Lương Văn C, Lương Văn N phạm tội "*cố ý gây thương tích*".

+ *Về trách nhiệm Hình sự*: Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù.

Xử phạt bị cáo Lương Văn C từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Lương Văn N 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

+ *Về trách nhiệm Dân sự*: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Các Điều 584, 585, 586, 587, 590, 288 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo Lương Văn T, Lương Văn C, Lương Văn N phải liên đới bồi thường cho ông Phạm Văn X tiền thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định Pháp luật.

+ *Về án phí*: Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn T, Lương Văn C, Lương Văn N do các bị cáo thuộc diện hộ nghèo của địa phương và xin miễn án phí.

- Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T: Nhắc tới về tội danh và điều luật như đại diện Viện kiểm sát luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Xem xét áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Vì bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật có phần hạn chế, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại cũng có một phần lỗi.

- Người bào chữa cho các bị cáo Lương Văn C, Lương Văn N: Nhất trí về tội danh và điều luật như đại diện Viện kiểm sát luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Xem xét áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cường và bị cáo Ngọc mỗi bị cáo 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật có phần hạn chế, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại cũng có một phần lỗi.

- Bị hại trình bày ý kiến: Các bị cáo không ăn năn hối cải, không thăm hỏi và bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý nghiêm khắc các bị cáo theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Tội danh:

Tại phiên tòa các bị cáo Lương Văn T, Lương Văn C, Lương Văn N đã khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Lương Văn T, Lương Văn C, Lương Văn N đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe và hiểu biết pháp luật. Ngày 14/4/2023, sau khi được bà Mạ Thị L kể lại việc ông Phạm Văn X định hiếp dâm bà Lý Thị S, mặc dù không được nhìn thấy sự việc, không có căn cứ chứng minh nhưng do không kiềm chế được bản thân nên cả 3 bị cáo đã dùng tay chân đánh gây thương tích đối với ông Phạm Văn X gây tổn hại 27% sức khỏe.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Lương Văn T, Lương Văn C, Lương Văn N đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Vì vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu

đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, cần phải đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hành vi của các bị cáo là bột phát, không có sự bàn bạc từ trước. Bị cáo Lương Văn T là người đầu tiên xông vào đánh người bị hại Phạm Văn X, cụ thể: Tập đã dùng cả 2 tay tát mạnh liên tiếp khoảng 04 - 05 nhát vào vùng mặt, dùng chân phải đá ngang liên tiếp 02 nhát vào vùng lưng và sườn của ông X; sau khi được can ngăn, Tập còn tiếp tục xông vào lần thứ 2, dùng chân phải đạp theo hướng từ trên xuống 02 nhát vào vùng sườn bên phải của ông X nên xét tính chất, mức độ quyết liệt về hành vi, Tập phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Đối với các bị cáo Lương Văn C và Lương Văn N sau khi thấy Lương Văn T đánh ông X, cả 2 bị cáo trên đã mặc nhiên tiếp nhận ý chí của T nên đã dùng chân tay đánh gây thương tích đối với ông Phạm Văn X nên cả hai đều phải chịu trách nhiệm sau bị cáo Lương Văn T với vai trò là người thực hành. Trong đó, bị cáo Lương Văn C đã dùng tay phải tát liên tiếp khoảng 05 - 06 nhát vào mặt, dùng chân phải đạp liên tiếp 02 nhát vào bụng, 01 nhát vào vùng hông bên phải của ông X nên phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ hai trong vụ án. Đối với bị cáo Lương Văn N đã dùng tay phải tát liên tiếp khoảng 03 - 04 nhát vào vùng mặt ông X nên phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ ba trong vụ án.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc các căn cứ quyết định hình phạt đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

- Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với các bị cáo Lương Văn T, Lương Văn C, Lương Văn N là phù hợp nên được chấp nhận.

- Đề nghị của Người bào chữa: Về hình phạt đối với các bị cáo là thấp chưa tương xứng với hành vi phạm tội, với hậu quả các bị cáo đã gây ra và tình hình an ninh chính trị tại địa phương.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Phạm Văn X yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm tổng là 85.793.000đ. Tại phiên toà bị hại thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 85.000.000đ. Các bị cáo không nhất trí bồi thường, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

* Hội đồng xét xử xét thấy, bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm và được chấp nhận theo quy định của Pháp luật, cụ thể như sau:

- Tiền Chi phí khám bệnh, chữa bệnh 2.000.000đ tại Bệnh viện đa khoa huyện V và tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đến cơ sở khám chữa bệnh và trở về nơi ở trong thời gian điều trị số tiền 500.000đ. Đây là số tiền chi phí thực tế và có căn cứ.

- Chi phí bồi dưỡng sức khỏe: Theo quy định của Điều 7 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại được xác định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho 01 ngày khám bệnh, chữa bệnh theo số ngày trong hồ sơ bệnh án. Theo Nghị định số 38/2022/NĐ - CP ngày 12/6/2022 của Chính Phủ, mức lương tối thiểu tháng đang được áp dụng từ 1/7/2022 đến hết ngày 30/12/2022 Vùng II là 4.160.000 đồng/tháng (Bệnh viện đa khoa tỉnh L nằm trên thành phố L thuộc Vùng II); Vùng IV là 3.250.000đ (Bệnh viện đa khoa huyện V nằm trên huyện V thuộc vùng IV). Ngày lương tối thiểu vùng được xác định là 01 tháng lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định chia cho 26 ngày. Bị hại X điều trị 06 ngày tại Bệnh viện đa khoa tỉnh L nằm trên Thành phố L sẽ được bồi thường $160.000đ \times 6 = 960.000đ$; điều trị 04 ngày tại Bệnh viện đa khoa huyện V sẽ được bồi thường $125.000đ \times 4 = 500.000đ$; tổng cộng là 1.460.000đ

- Đối với tiền chi phí phục hồi sức khỏe: Ngoài việc bồi dưỡng trong thời gian điều trị tại bệnh viện, sau khi xuất viện sức khỏe của bị hại còn chưa bình phục do vậy, cần phải có chi phí phục hồi sức khỏe là 5.000.000đ là hợp lý.

- Chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh L số tiền 842.000đ; chi phí thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đến cơ sở khám chữa bệnh và chở về nơi ở 500.000đ; chi phí cắt thuốc nam bó xương sườn 2.000.000đ Đây là số tiền chi phí thực tế và có căn cứ.

- Đối với tiền thu nhập của bị hại bị mất trong thời gian điều trị và sau khi ra viện nhưng không lao động được số tiền 10.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy bị hại nghề nghiệp là trồng trọt, thu nhập không đều, tuổi cũng đã cao, sức khỏe yếu nên chỉ xem xét chấp nhận một phần số tiền bằng 02 tháng lương tối thiểu vùng IV (bị hại sống tại huyện B) đó là: $3.250.000 \times 2 = 6.500.000đ$.

Đối với tiền công chăm sóc khi bị hại X nằm viện 10 ngày do hai con của ông X là anh Phạm Văn L và anh Phạm Văn L1 thay nhau chăm sóc. Trong đó anh L chăm sóc 10 ngày, anh L1 chăm sóc 07 ngày. Xét thấy anh L hàng ngày làm công việc là thợ xây, anh L1 bán hàng Mã ở cổng Đền, việc chăm sóc người bệnh tại bệnh viện là công việc vất vả, do vậy tiền công 300.000đ/người/ngày mà bị hại đề nghị là phù hợp với thực tế, có căn cứ. Như vậy tiền công chăm sóc của anh L1 là $300.000đ \times 10$ ngày = 3.000.000đ; tiền công chăm sóc của anh L là $300.000đ \times 07$ ngày =

2.100.000đ. Anh L1 và anh L ủy quyền cho ông Phạm Văn X nhận khoản tiền công chăm sóc này.

* Đối với các khoản tiền bị hại yêu cầu không được chấp nhận gồm:

Đối với khoản chi tiêu cho người nhà và bệnh nhân trong 04 ngày tại bệnh viện huyện Văn Bàn số tiền 2.000.000đ; khoản chi tiêu cho người nhà và bệnh nhân trong 06 ngày tại bệnh viện đa khoa tỉnh L số tiền 6.000.000đ. Xét thấy bị hại đã được tính chi phí bồi dưỡng sức khỏe và thu nhập bị mất trong thời gian điều trị; người chăm sóc đã được tính công chăm sóc nên không được chấp nhận.

Đối với chi phí giám định thương tật 3.251.000đ; chi phí thuê xe đưa bị hại vào làm việc tại Công an huyện 3.500.000đ. Pháp luật không quy định bị cáo phải bồi thường nên không được chấp nhận.

Về tiền bồi thường tổn thất tinh thần: Căn cứ vào thương tích của bị hại là 27%, Hội đồng chấp nhận mức tổn thất tinh thần là: 15 tháng lương cơ bản x 1.800.000đ = 27.000.000đ là phù hợp.

Tổng cộng yêu cầu bồi thường và được ủy quyền nhận bồi thường của bị hại Phạm Văn X được chấp nhận là 50.902.000đ (*năm mươi triệu, chín trăm linh hai nghìn đồng*). Vì vậy, buộc các bị cáo Lương Văn T, Lương Văn C, Lương Văn N phải liên đới bồi thường theo phần tương ứng với mức độ lỗi: Bị cáo T 40%, bị cáo C 35% và bị cáo N 25% của số tiền phải bồi thường.

[7] Về án phí: Các bị cáo thuộc diện hộ nghèo của địa phương và các bị cáo đều xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lương Văn T, Lương Văn C, Lương Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lương Văn T 02 (*hai*) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Lương Văn C 01 (*một*) năm 09 (*chín*) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Lương Văn N 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Khoản 1, khoản 2 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 587; Điều 590; Điều 288 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo Lương Văn T, Lương Văn C, Lương Văn N phải liên đới bồi thường cho ông Phạm Văn X 50.902.000đ (*năm mươi triệu, chín trăm linh hai nghìn đồng*) tiền thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm và tiền công

người chăm sóc (công người chăm sóc được người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ủy quyền nhận). Cụ thể phần của mỗi bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại Phạm Văn X như sau: Bị cáo Lương Văn T 20.360.000đ (hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng); Lương Văn C 17.815.700đ (mười bảy triệu, tám trăm mười lăm nghìn, bảy trăm đồng); Lương Văn N 12.725.500đ (mười hai triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).

Bác yêu cầu bồi thường tiền thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm của bị hại do không hợp lý theo quy định pháp luật số tiền 34.098.000 (ba mươi tư triệu, không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn T, Lương Văn C, Lương Văn N.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLVN liên quan;
- THAHS; THADS;
- Lưu (04.)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Vĩnh Thái

